| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỒNG XUÂN**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 11/2023/QĐST-HNGĐ | *D, ngày 08 tháng 3 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N – Sinh năm: 1997

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện D, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Đỗ Minh V – Sinh năm: 1994

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã P, huyện D, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Đỗ Minh V.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Đỗ Minh V có một con chung là Đỗ Huyền T – SN: 09/9/2018. Cả hai thống nhất giao con chung cho anh V trực tiếp

nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con chung cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ-ST được trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai đóng tiền tạm ứng số 0000815 ngày 26/12/2022 tại Chi cục THADS huyện D. Chị N được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND h. D;*
*- TAND tỉnh PY;*
*- VKSND tỉnh PY;*
*- Chi cục THADS h. D;*
*- UBND xã P;*
*- UBND xã Q;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Trần Ngọc Trung**